

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ
-----o0o-----

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-----o0o-----

Bản án số: 44/2023/HSST
Ngày 15 tháng 5 năm 2023

NHÂN DANH
N- ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ -TỈNH PHÚ THỌ

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Huyền.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Việt Tú và ông Hà Mạnh Linh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Phú - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 43/2023/TLST-HS ngày 21 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2023/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 5 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ tên: Nguyễn Kim B; Sinh ngày 08/12/1977; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Nơi ĐKKHKT: Số 37, ngõ 236 K, phường H, quận Th, thành phố H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp trước khi bị bắt: Nhà báo; Trình độ học vấn: 12/12; Bố đẻ: Nguyễn Đình M (đã chết); Mẹ đẻ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1940 hiện ở phường H, quận T, thành phố H; Vợ: Nguyễn Bích H, sinh năm 1984 hiện ở phường H, quận T, thành phố H; Con: Bị cáo có 02 người con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt, tạm giam ngày 16/02/2023, áp dụng biện pháp bảo lãnh ngày 24/3/2023. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp bảo lãnh, tại ngoại tại phường H, quận T, thành phố H. (có mặt).

- Bị hại:

1, Anh Hng Văn Đ, sinh năm 1966. Địa chỉ: khu Song Nưa, xã Y, huyện C, tỉnh P (Có mặt).

2, Chị Bùi Thị H, sinh năm 1966. Địa chỉ: khu Song Nưa, xã Y, huyện C, tỉnh P (Có mặt).

3, Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1971. Địa chỉ: khu Đá Hen, xã Đ, huyện C, tỉnh P (Có mặt).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Thành Luân, sinh năm 1994. Địa chỉ: khu Đá Hen, xã Đ, huyện C, tỉnh P (Vắng mặt).

- Người làm chứng: Anh Hng Mạnh H, sinh năm 1980. Địa chỉ: Khu Xóm Làng, xã Y, huyện C, tỉnh P (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mối quan hệ từ trước, nên vào khoảng cuối năm 2020, Nguyễn Kim B, sinh ngày 08/12/1977, nơi ĐKKHKT: Số 37, ngõ 236 K, phường H, quận Th, thành phố H là phóng viên làm việc tại Tạp chí Doanh Nghiệp và Trang Trại Việt Nam (công việc được giao là thu tin tức và đăng bài). Khi công tác tại huyện Cẩm Khê thì Nguyễn Kim B gặp anh Hng Mạnh Hòa – sinh năm 1980 ở khu Xóm Làng, xã Y, huyện C, tỉnh P. Khi gặp B, anh Hòa có nói chuyện với B về việc ngày 25/12/2020 ông Hng Văn Đ – sinh năm 1966 ở khu Song Nưa, xã Yên Dưỡng, huyện Cẩm Khê là anh em họ với anh Hòa bị Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ xử phạt tù về tội Đánh bạc. Do tin tưởng B có nhiều mối quan hệ có khả năng xin giảm án phạt tù nên anh Hòa hỏi B xem có thể xin giảm án cho ông Đ không, B đồng ý. Sau đó khoảng ngày 02/01/2021 thì B đến nhà ông Đ ở khu Song Nưa, xã Yên Dưỡng, huyện Cẩm Khê để gặp ông Đ cùng vợ là bà Bùi Thị H – sinh năm 1966. Lúc này có anh Nguyễn Văn T – sinh năm 1974 ở khu Đá Hen, xã Đồng Lương, huyện Cẩm Khê (anh T cũng là người bị Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ xử phạt tù trong vụ đánh bạc cùng ông Đ). Sau đó, ông Đ, anh T nói với B về việc muốn xin giảm án giảm án tù án phạt tù thành án cải tạo không giam giữ. B đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của ông Đ và anh T, nên B tự giới thiệu mình là nhà báo làm việc tại Tòa soạn báo Trung ương, có nhiều mối quan hệ có khả năng xin giảm án cho ông Đ và anh T. B nói với vợ chồng ông Đ, bà H và anh T là để làm việc này thì anh T và ông Đ mỗi người phải đưa cho B số tiền là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). Vợ chồng ông Đ, bà H và anh T đồng ý. B đã nhận tiền của vợ chồng ông Đ, bà H 04 lần với tổng số tiền là 105.000.000đ (một trăm linh năm triệu đồng). Cụ thể:

Lần thứ nhất: sau ngày 25/12/2020 khoảng 02 hoặc 03 ngày, tại nhà ở của bà H và ông Đ thì B hướng dẫn ông Đ, anh T làm đơn kháng cáo gửi đến Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ rồi B bảo ông Đ người phải đưa trước cho B 50.000.000 đồng để B đi xin giảm án cho. Sau đó, ông Đ cùng vợ là bà H đã đưa cho B số tiền 50.000.000đ. B đã nhận số tiền trên.

Lần thứ hai: Sau lần thứ nhất khoảng 10 ngày, B dùng số điện thoại của B có số là 0913.024.589 gọi điện cho bà H bảo bà H chuẩn bị thêm cho B số tiền 25.000.000đ để B lo việc cho ông Đ. Sau đó, B đến nhà vợ chồng bà H nhưng vợ chồng bà H chỉ lo được số tiền 20.000.000đ và đã đưa B số tiền 20.000.000đ. B đã nhận số tiền trên.

Lần thứ ba: Giáp tết âm lịch năm 2021, B vẫn dùng số điện thoại trên để gọi điện cho bà H bảo vợ chồng bà H gửi nốt cho B số tiền 5.000.000đ để làm quà tết cho người B nhờ “chạy án” cho ông Đ. Sau đó bà H ra ngân hàng rồi chuyển vào tài khoản ngân hàng TMCP Kỹ tH Việt Nam (Techcombank) có số tài khoản 19025775818011 của B số tiền 5.000.000đ. B đã nhận được số tiền 5.000.000đ.

Lần thứ tư: Cuối tháng 01/2021 âm lịch B vẫn dùng số điện thoại trên gọi điện bảo bà H đưa thêm cho B số tiền 50.000.000đ nhưng vợ chồng bà H chỉ lo được số tiền 30.000.000đ. B đồng ý nhận số tiền trên, vài ngày sau tại nhà vợ chồng ông Đ, bà H thì ông Đ đưa cho B số tiền 30.000.000đ. B đã nhận số tiền trên.

Đối với anh Nguyễn Văn T, B nhận tiền của anh Nguyễn Văn T 04 lần với tổng số tiền 85.600.000đ (tám mươi lăm triệu sáu trăm nghìn đồng). Cụ thể:

Lần thứ nhất: Khoảng ngày 01/01/2021, tại nhà ông Nguyễn Đình Bào – sinh năm 1967 ở khu Đá Trông, xã Yên Dưỡng, huyện Cẩm Khê anh T đưa B số tiền 50.000.000đ (ông Bào không biết việc đưa và nhận tiền giữa anh T và B). B đã nhận số tiền trên.

Lần thứ hai: Khoảng 01 tuần sau, B gọi điện cho anh T nói là công việc xin giảm án cho anh T không ổn, anh T phải đưa thêm tiền cho B để lo việc. Sau đó, ngày 01/02/2021 anh T chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng TMCP Kỹ tH Việt Nam (Techcombank) có số tài khoản 19025775818011 của B số tiền 6.000.000đ. B đã nhận được số tiền trên.

Lần thứ ba: Ngày 05/3/2021, anh T chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng TMCP Kỹ tH Việt Nam (Techcombank) có số tài khoản 19025775818011 của B số tiền 9.600.000đ. B đã nhận được số tiền trên.

Lần thứ tư: Ngày 24/3/2021, anh T chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng TMCP Kỹ tH Việt Nam (Techcombank) có số tài khoản 19025775818011 của B số tiền 20.000.000đ. B đã nhận được số tiền trên.

Như vậy, tổng số tiền B đã chiếm đoạt của vợ chồng ông Đ, bà H và anh T là 190.600.000 đồng (một trăm chín mươi triệu sáu trăm nghìn đồng). Sau khi nhận tiền thì Nguyễn Kim B không sử dụng số tiền này vào việc xin giảm án cho ông Đ và anh T mà sử dụng số tiền này để chi tiêu vào mục đích cá nhân hết. Ngày 05/5/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm và giữ nguyên án phạt tù đối với ông Đ và anh T, sau đó anh T cùng vợ chồng ông Đ, bà H đã gọi điện cho B nhiều lần để đòi lại tiền nhưng không được, B trốn tránh không gặp vợ chồng H Đ và anh T.

Ngày 16/6/2021, anh Nguyễn Văn T và Bà Bùi Thị H làm đơn tố cáo Nguyễn Kim B có hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền 190.600.000đ gửi đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Cẩm Khê. Đến ngày 07/7/2021, B vay tiền của anh em, bạn bè trả cho vợ chồng Đ, H số tiền 105.000.000đ, trả cho anh T số tiền 85.600.000đ.

Ngày 18/6/2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện Cẩm Khê tạm giữ của anh Nguyễn Văn T: 01 điện thoại SamSung Galaxy A20S màu xanh, số seri R9AMC1MB99J, lắp 01 sim số 0984.158.234 và 01 USB 16GB nhãn hiệu Kingston DTSE9 (Cơ quan CSĐT Công an huyện Cẩm Khê tiến hành niêm phong theo quy định pháp luật) có ghi lại các cuộc nói chuyện về việc xin giảm án giữa anh T và B.

Ngày 07/7/2021 tạm giữ của chị Bùi Thị H số tiền: 105.000.000đ (Một trăm linh năm triệu đồng) tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam hiện đang lưu hành. Tạm giữ của anh Nguyễn Thành Luân (con trai anh T) – sinh năm 1994 ở khu Đá Hen, xã Đồng Lương, huyện Cẩm Khê số tiền: 85.600.000 (Tám mươi lăm triệu sáu trăm nghìn đồng) tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam hiện đang lưu hành.

Ngày 09/7/2021 tạm giữ của chị Bùi Thị H: 01 đĩa CD bên ngoài ghi: “Ghi âm B ngày 09/7/2021” (Cơ quan CSĐT Công an huyện Cẩm Khê tiến hành niêm phong theo quy định pháp luật), 01 giấy biên nhận tiền lập ngày 07/7/2021 giữa Nguyễn Kim B (người giao tiền) với bà Bùi Thị H và anh Nguyễn Thành Luân, 01 tờ giấy

có dòng kẻ ngang đề nội dung: “Đơn xin rút đơn tố cáo” và đề ngày 09/7/2021 có chữ ký của bà Bùi Thị H và anh Nguyễn Thành Luân.

Ngày 09/7/2021, ngày 15/7/2021 và ngày 25/8/2021 Cơ quan CSĐT Công an huyện Cẩm Khê tiến hành ghi âm giọng nói của bà Bùi Thị H, Nguyễn Kim B và anh Nguyễn Văn T để phục vụ cho công tác giám định.

Ngày 07/9/2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện Cẩm Khê ra quyết định trưng cầu Viện khoa học hình sự - Bộ Công an giám định giọng nói tại các bản ghi âm mà anh T và bà H cung cấp. Tại kết luận giám định số: 6983/C09-P6 ngày 01/12/2021 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an xác định:

Không tìm thấy dấu vết cắt, ghép, chỉnh sửa nội dung trong các tệp ghi âm mẫu cần giám định.

Tiếng nói của người đàn ông được gọi là “B, chú” và xưng là “em” trong các tệp ghi âm mẫu cần giám định (được ký hiệu là “B” trong Bản dịch nội dung ghi âm mẫu cần giám định) và tiếng nói của Nguyễn Kim B trong mẫu so sánh là của cùng một người.

Tiếng nói của người phụ nữ được gọi là “H” và xưng là “chị” trong các tệp ghi âm mẫu cần giám định (được ký hiệu là “H” trong bản dịch nội dung ghi âm mẫu cần giám định) và tiếng nói của Bùi Thị H trong mẫu so sánh là của cùng một người.

Tiếng nói của người đàn ông được gọi là “em” và xưng là “T, em” trong các tệp ghi âm mẫu cần giám định (được ký hiệu là “T” trong Bản dịch nội dung ghi âm mẫu cần giám định) và tiếng nói của Nguyễn Văn T trong mẫu so sánh là của cùng một người.

Toàn bộ nội dung các cuộc hội thoại trong mẫu cần giám định đã được dịch thành văn bản (chi tiết trong bản dịch nội dung ghi âm mẫu cần giám định gồm 18 (mười tám) trang A4)

Hn lại đối tượng giám định: Hn lại toàn bộ đối tượng gửi giám định cho Cơ quan trưng cầu giám định.

Ngày 16/02/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện Cẩm Khê đã ra quyết định khởi tố vụ án, quyết định khởi tố bị can đối với Nguyễn Kim B về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và tiến hành khám xét chỗ ở của Nguyễn Kim B ở số nhà 37, ngõ 236 KH Đình, phường H, quận T, thành phố H. Quá trình khám xét đã tạm giữ: 01 bản mẫu giấy giới thiệu của Tạp chí Doanh nghiệp và trang trại Việt Nam, in màu; 01 đơn đề nghị kháng án giám đốc thẩm đề ngày 08/10/2014 bản phô tô, kèm theo 01 bản phô tô thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn đề nghị giám đốc thẩm tài liệu, chứng cứ kèm theo được đánh số thứ tự từ 01 đến 19; 01 đơn đề nghị về việc thu hồi đất để thực hiện dự án khắc phục hậu quả thiên tai đảm bảo giao thông đường Nguyễn Chí Thanh, thị xã SaPa gồm 02 trang tài liệu đánh máy; 01 đơn khiếu nại đánh máy, đề ngày 10/5/2020 gồm 04 trang tài liệu; 01 đơn trình báo đánh máy đề ngày 28/11/2022 gồm 03 trang tài liệu.

Ngày 16/02/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện Cẩm Khê đã tạm giữ của Nguyễn Kim B: 01 ví giả da màu nâu bên trong có: số tiền 1.465.000đ (một triệu bốn trăm sáu mươi lăm nghìn đồng); 01 thẻ căn cước công dân, 01 giấy phép lái xe, 01 thẻ ngân hàng BIDV đều mang tên B; 01 thẻ nhà báo mang tên Nguyễn Kim B thuộc Tạp chí Doanh nghiệp và Trang Trại Việt Nam có giá trị đến ngày 31/12/2025;

01 gói nilon bên trong có 01 mảnh giấy bìa và 01 vật hình con rùa B kim loại màu vàng; 01 điện thoại cảm ứng mặt trước màu đen, mặt sau màu trắng có in chữ OPPO đã qua sử dụng bên trong có 01 sim có số 0913024589.

Tại cơ quan điều tra Nguyễn Kim B đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã trình bày ở trên. Lời khai của B phù hợp với lời khai của bị hại, người liên quan và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số: 29/ CT - VKSCK - HS ngày 22 tháng 4 năm 2023 Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê đã truy tố bị cáo Nguyễn Kim B về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Kim B phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1,2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Kim B từ 30 đến 36 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (Năm) năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Nguyễn Kim B cho UBND phường H, quận T, thành phố H giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Kim B.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Hậu quả của việc vi phạm nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định tại khoản 5 điều 65 của Bộ luật hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 2 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự.

Xác nhận tại phiên tòa bị cáo và những người bị hại thống nhất thỏa thuận bị cáo B bồi thường thiệt hại tiền chi phí thuê xe cho người bị hại đi tìm bị cáo trong thời gian bị cáo B thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Cụ thể bị cáo B bồi thường thiệt hại cho ông Đ, bà H số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) và bồi thường thiệt hại cho anh T số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thi hành án xong. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án, cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Về xử lý vật chứng: áp dụng điểm a Khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điểm a, c khoản 2; điểm a, b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Xác nhận ngày 17/02/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện Cẩm Khê đã trả lại cho chị Nguyễn Bích Hằng (vợ bị cáo B): 01 ví giả da màu nâu bên trong có số tiền 1.465.000đ (một triệu bốn trăm sáu mươi lăm nghìn đồng); 01 thẻ căn cước công dân, 01 giấy phép lái xe, 01 thẻ ngân hàng BIDV đều mang tên B; 01 gói nilon bên trong có 01 mảnh giấy bìa và 01 vật hình con rùa B kim loại màu vàng; 01 bản mẫu giấy giới thiệu của Tạp chí Doanh nghiệp và trang trại Việt Nam; 01 đơn đề nghị kháng án giám đốc thẩm bản phê to, kèm theo 01 bản pho to thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn đề nghị giám đốc thẩm tài liệu, chứng cứ kèm theo; 01 đơn đề nghị về việc thu hồi đất để thực hiện dự án khắc phục hậu quả thiên tai đảm bảo giao thông đường Nguyễn Chí Thanh, thị xã SaPa; 01 đơn khiếu nại đánh máy đề ngày 10/5/2020; 01 đơn trình báo đánh máy đề ngày 28/11/2022. (Theo biên bản về việc trả lại tài sản, đồ vật, tài liệu ngày 17/02/2023 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cẩm Khê).

Xác nhận ngày 26/7/2021 Cơ quan CSĐT Công an huyện Cẩm Khê đã trả lại cho bà Bùi Thị H số tiền: 105.000.000đ (một trăm linh năm triệu đồng). Trả cho anh Nguyễn Thành Luân (con trai anh T) số tiền: 85.600.000đ (Tám mươi lăm triệu sáu trăm nghìn đồng) và 01 điện thoại SamSung Galaxy A20S màu xanh bên trong lắp 01 sim số 0984.158.234. Ông Đ, bà H, anh T đã nhận đủ số tiền, tài sản trên và không có yêu cầu gì khác. (Theo biên bản về việc trả lại tài sản, đồ vật, tài liệu ngày 26/7/2021 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cẩm Khê).

Xác nhận ngày 10/3/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện Cẩm Khê đã trả lại cho ông Hng Văn Khánh - Đ diện Tạp chí Doanh nghiệp và Trang Trại Việt Nam 01 thẻ nhà báo đứng tên Nguyễn Kim B.

Lưu trong hồ sơ vụ án 01 giấy biên nhận tiền lập ngày 07/7/2021 giữa Nguyễn Kim B với bà Bùi Thị H và anh Nguyễn Thành Luân; 01 tờ giấy có đề nội dung: “Đơn xin rút đơn tố cáo” ngày 09/7/2021 có chữ ký của bà Bùi Thị H và anh Nguyễn Thành Luân; 01 USB 16GB nhãn hiệu Kingston DTSE9; 01 đĩa CD bên ngoài ghi: “Ghi âm B ngày 09/7/2021”.

Tịch thu bán nộ ngân sách 01 điện thoại cảm ứng mặt trước màu đen, mặt sau màu trắng có in chữ OPPO đã qua sử dụng của Nguyễn Kim B.

Tịch thu tiêu huỷ 01 phôi sim điện thoại có số thuê bao 0913.024.589.

(Theo biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 21/4/2023 giữa Công an huyện Cẩm Khê và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê).

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, f Khoản 1, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về thu, nộp và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Kim B phải nộp 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự trong vụ án hình sự.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã đ- ọc thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên của bị cáo và ng- ời tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Cẩm Khê, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định và hợp pháp.

[2] Về những chứng cứ xác định bị cáo có tội: Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Kim B đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã nêu, cáo trạng truy tố là đúng người, đúng tội, không oan sai. Xét lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, người làm chứng, vật chứng vụ án và phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ được thẩm tra xem xét tại phiên tòa như vậy có đủ căn cứ để kết luận: Trong khoảng thời gian từ cuối tháng 12 năm 2020 đến ngày 24/3/2021, Nguyễn Kim B đã có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản B thủ đoạn đưa ra thông tin sai sự thật, hứa hẹn để vợ chồng ông Hng Văn Đ, bà Bùi Thị H và anh Nguyễn Văn T tin tưởng B có khả năng xin giảm hình phạt tù sang hình phạt cải tạo không giam giữ cho ông Đ và anh T nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của vợ chồng ông Hng Văn Đ và bà Bùi Thị H, anh Nguyễn Văn T với tổng số tiền 190.600.000 đồng (Một trăm chín mươi triệu sáu trăm nghìn đồng).

Hành vi nêu trên của Nguyễn Kim B đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

“Điều 174. Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản

1. Người nào B thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

...

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

...”

[3] Xét tính chất vụ án, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an ở địa pH, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân và đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Vì vậy, cần phải xử phạt nghiêm mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

[4.1] Về nhân thân: Bị cáo Nguyễn Kim B có nhân thân tốt.

[4.2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Kim B chưa có tiền án, tiền sự nên không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[4.3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình giải quyết vụ án bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho người bị hại, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có bố đẻ là ông Nguyễn Đình Mạnh được Chủ tịch nước tặng thưởng huân chương chiến sĩ vẻ vang hạng ba, tại phiên tòa người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Từ những phân tích, đánh giá tính chất mức độ của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Xét thấy bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ và có nơi cư trú rõ ràng, ổn định nên chỉ cần áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo mà không cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội nh- thể cũng có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung, thể hiện đ- ờng lối xét xử hình sự và chính sách khoan hồng của Nhà n- ớc đối với ng- ời phạm tội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có tài sản gì, hiện không có việc làm, không giữ chức vụ gì nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị cáo và những người bị hại thống nhất thỏa thuận bị cáo B bồi thường thiệt hại tiền chi phí thuê xe cho người bị hại đi tìm bị cáo trong thời gian bị cáo B thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Cụ thể bị cáo B bồi thường thiệt hại cho ông Đ, bà H số tiền 5.000.000đ và bồi thường thiệt hại cho anh T số tiền 5.000.000đ.

[8] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 ví giả da màu nâu bên trong có số tiền 1.465.000đ (một triệu bốn trăm sáu mươi lăm nghìn đồng); 01 thẻ căn cước công dân, 01 giấy phép lái xe, 01 thẻ ngân hàng BIDV đều mang tên B; 01 gói nilon bên trong có 01 mảnh giấy bìa và 01 vật hình con rùa B kim loại màu vàng; 01 bản mẫu giấy giới thiệu của Tạp chí Doanh nghiệp và trang trại Việt Nam; 01 đơn đề nghị kháng án giám đốc thẩm bản phê tội, kèm theo 01 bản pho tô thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn đề nghị giám đốc thẩm tài liệu, chứng cứ kèm theo; 01 đơn đề nghị về việc thu hồi đất để thực hiện dự án khắc phục hậu quả thiên tai đảm bảo giao thông đường Nguyễn Chí Thanh, thị xã SaPa; 01 đơn khiếu nại đánh máy, đề ngày 10/5/2020; 01 đơn trình báo đánh máy đề ngày 28/11/2022. Là tài sản và tài liệu, không liên quan đến hành vi phạm tội nên ngày 17/02/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện Cẩm Khê đã trả lại cho chị Nguyễn Bích Hằng (vợ bị cáo B) là phù hợp cần xác nhận.

Đối với số tiền 105.000.000 đồng thu giữ của ông Nguyễn Văn Đ, bà Bùi Thị H và số tiền 85.600.000 đồng, 01 điện thoại SamSung Galaxy A20S màu xanh bên trong lắp 01 sim số 0984.158.234 thu giữ của anh Nguyễn Văn T. Đây là các tài sản hợp pháp của ông Nguyễn Văn Đ, bà Bùi Thị H và anh Nguyễn Văn T nên ngày 26/7/2021 Cơ quan CSĐT Công an huyện Cẩm Khê đã trả lại cho bà Bùi Thị H số tiền: 105.000.000đ (một trăm linh năm triệu đồng). Trả cho anh Nguyễn Thành Luân (con trai anh T) số tiền: 85.600.000đ (Tám mươi lăm triệu sáu trăm nghìn đồng) và 01 điện thoại SamSung Galaxy A20S màu xanh bên trong lắp 01 sim số 0984.158.234. Bà H và anh Luân đã nhận đủ số tiền, tài sản trên. Tại phiên tòa ông Đ, bà H, anh T không có yêu cầu gì khác cần xác nhận.

Đối với 01 thẻ nhà báo đứng tên Nguyễn Kim B. Quá trình điều tra, Tạp chí doanh Nghiệp và trang trại Việt Nam có công văn số: 04/CV-TC ngày 27/02/2023 đề nghị xin nhận lại thẻ nhà báo trên nên ngày 10/3/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện Cẩm Khê đã trả lại cho ông Hng Văn Khánh là Đ diện Tạp chí Doanh nghiệp và Trang Trại Việt Nam là phù hợp cần xác nhận.

Đối với 01 giấy biên nhận tiền lập ngày 07/7/2021 giữa Nguyễn Kim B với bà Bùi Thị H và anh Nguyễn Thành Luân; 01 tờ giấy có đề nội dung: “Đơn xin rút đơn tố cáo” ngày 09/7/2021 có chữ ký của bà Bùi Thị H và anh Nguyễn Thành Luân; 01 USB 16GB nhãn hiệu Kingston DTSE9; 01 đĩa CD bên ngoài ghi: “Ghi âm B ngày 09/7/2021”. Xét thấy đây là tài liệu có trong hồ sơ vụ án nên cần tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

Đối với 01 điện thoại cảm ứng mặt trước màu đen, mặt sau màu trắng có in chữ OPPO đã qua sử dụng thu giữ của Nguyễn Kim B, do bị cáo B sử dụng để liên lạc thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản cần tịch thu bán nộp ngân sách là phù hợp.

Đối với 01 phôi sim điện thoại có số thuê bao 0913.024.589 quá trình điều tra xác định B sử dụng sim này để nghe gọi liên quan đến việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

[9] Xét đề nghị của Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê thực hành quyền công tố tại phiên tòa đề xuất về hình phạt đối với bị cáo và việc xử lý vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp nên chấp nhận.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo theo qui định pháp luật.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

I, Áp dụng Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Kim B phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

II, Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1,2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Kim B 30 (Ba mươi) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (Năm) năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Nguyễn Kim B cho UBND phường H, quận T, thành phố H giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Kim B.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Hậu quả của việc vi phạm nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định tại khoản 5 điều 65 của Bộ luật hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 2 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

III, Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự.

Xác nhận tại phiên tòa bị cáo và những người bị hại thống nhất thỏa thuận bị cáo B bồi thường thiệt hại tiền chi phí thuê xe cho người bị hại đi tìm bị cáo trong thời gian bị cáo B thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Cụ thể bị cáo B bồi thường thiệt hại cho ông Đ, bà H số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) và bồi thường thiệt hại cho anh T số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thi hành án xong. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án, cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

IV, Về xử lý vật chứng: áp dụng điểm a Khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điểm a, c khoản 2; điểm a, b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Xác nhận ngày 17/02/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện Cẩm Khê đã trả lại cho chị Nguyễn Bích Hằng (vợ bị cáo B): 01 ví giả da màu nâu bên trong có số tiền 1.465.000đ (một triệu bốn trăm sáu mươi lăm nghìn đồng); 01 thẻ căn cước công dân, 01 giấy phép lái xe, 01 thẻ ngân hàng BIDV đều mang tên B; 01 gói nilon bên trong có 01 mảnh giấy bìa và 01 vật hình con rùa B kim loại màu vàng; 01 bản mẫu giấy giới thiệu của Tạp chí Doanh nghiệp và trang trại Việt Nam; 01 đơn đề nghị kháng án giám đốc thẩm bản phê tô, kèm theo 01 bản pho tô thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn đề nghị giám đốc thẩm tài liệu, chứng cứ kèm theo; 01 đơn đề nghị về việc thu hồi đất để thực hiện dự án khắc phục hậu quả thiên tai đảm bảo giao thông đường Nguyễn Chí Thanh, thị xã SaPa; 01 đơn khiếu nại đánh máy đề ngày 10/5/2020; 01 đơn trình báo đánh máy đề ngày 28/11/2022. (Theo biên bản về việc trả lại tài sản, đồ vật, tài liệu ngày 17/02/2023 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cẩm Khê).

Xác nhận ngày 26/7/2021 Cơ quan CSĐT Công an huyện Cẩm Khê đã trả lại cho bà Bùi Thị H số tiền: 105.000.000đ (một trăm linh năm triệu đồng). Trả cho anh Nguyễn Thành Luân (con trai anh T) số tiền: 85.600.000đ (Tám mươi lăm triệu sáu trăm nghìn đồng) và 01 điện thoại Samsung Galaxy A20S màu xanh bên trong lắp 01 sim số 0984.158.234. Ông Đ, bà H, anh T đã nhận đủ số tiền, tài sản trên và không có yêu cầu gì khác. (Theo biên bản về việc trả lại tài sản, đồ vật, tài liệu ngày 26/7/2021 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cẩm Khê).

Xác nhận ngày 10/3/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện Cẩm Khê đã trả lại cho ông Hng Văn Khánh - Đ diện Tạp chí Doanh nghiệp và Trang Trại Việt Nam 01 thẻ nhà báo đứng tên Nguyễn Kim B.

Lưu trong hồ sơ vụ án 01 giấy biên nhận tiền lập ngày 07/7/2021 giữa Nguyễn Kim B với bà Bùi Thị H và anh Nguyễn Thành Luân; 01 tờ giấy có đề nội dung: “Đơn xin rút đơn tố cáo” ngày 09/7/2021 có chữ ký của bà Bùi Thị H và anh Nguyễn

Thành Luân; 01 USB 16GB nhãn hiệu Kingston DTSE9; 01 đĩa CD bên ngoài ghi: “Ghi âm B ngày 09/7/2021”.

Tịch thu bán nộp ngân sách 01 điện thoại cảm ứng mặt trước màu đen, mặt sau màu trắng có in chữ OPPO đã qua sử dụng của Nguyễn Kim B.

Tịch thu tiêu huỷ 01 phôi sim điện thoại có số thuê bao 0913.024.589.

(Theo biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 21/4/2023 giữa Công an huyện Cẩm Khê và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê).

V, Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, f Khoản 1, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về thu, nộp và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Kim B phải nộp 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự trong vụ án hình sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo, bị hại có mặt được quyền kháng cáo; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (vắng mặt) được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKS ND T.Phú Thọ; huyện Cẩm Khê;
- Chi cục THA huyện Cẩm Khê;
- Công an huyện Cẩm Khê;
- UBND phường Hạ Đình;
- Bị cáo; Bị hại; Người làm chứng;
- L- u HS, AV.

**T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Đinh Thị Thu Huyền